

Bản án số:302/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 30/12/2022  
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi  
con chung”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Huy Phong

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Liêm
2. Bà Phạm Xuân Đào

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Tường Vi

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Hồ Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 806/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 515A/2022/QĐ-ST ngày 30 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 537/QĐST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Mỹ T, sinh năm 1997; địa chỉ: tổ 6, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang, (có đơn xin xử vắng mặt).

*Bị đơn:* Anh Tạ Văn H, sinh năm 1990; địa chỉ: tổ 20, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/9/2022, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bùi Thị Mỹ T trình bày:* chị và anh Tạ Văn H quen biết, tìm hiểu, tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C vào ngày 27/3/2019, sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, lối sống không hòa hợp, không tôn trọng nhau; mâu thuẫn càng trầm

trọng, không thể hàn gắn, sống ly thân từ thời điểm đó cho đến nay, chị T đi làm xa, cả hai không còn liên lạc với nhau. Nay thấy tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị xin ly hôn với Tạ Văn H.

- Về con chung: có 01 con chung Tạ Hải Đ, sinh ngày 23/11/2016, khi vợ chồng ly thân đến nay, cháu Đ sống với anh H. Sau khi ly hôn, chị đồng ý để anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

*Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp:*

- Bản sao Giấy khai sinh con chung; Tờ tự khai và đơn khởi kiện ngày của ngày 05/9/2022; bản chính giấy chứng nhận kết hôn số 35/2019.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp hòa giải để động viên vợ chồng giải quyết các bất đồng quan điểm, hàn gắn đoàn tụ với nhau nhưng anh H đều vắng mặt, thể hiện việc anh H không có thiện chí hàn gắn. Vì vậy, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, chị T có đơn xin vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh H, đồng ý giao con chung cho anh H được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, chị không phải cấp dưỡng nuôi con; anh H vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến. Các bên không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án như sau:*

*Về tố tụng:* Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Tạ Văn H tuy được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

*Ý kiến giải quyết vụ án:*

- Về hôn nhân: chị T, anh H tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận, bảo vệ. Vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do không cùng quan điểm nên thường xuyên cự cãi và ly thân. Nay thấy tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị xin ly hôn với Tạ Văn H. Anh H không vắng mặt, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị T. Mâu thuẫn giữa anh, chị đã xảy ra trong thời gian dài, mâu thuẫn không thể giải quyết được. Chị T xin ly hôn, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản nhưng anh H đều vắng

mặt thể hiện việc anh H không có thiện chí hàn gắn mâu thuẫn đã trầm trọng. Vì vậy, chị T yêu cầu ly hôn là phù hợp.

- Về con chung: có 01 con chung Tạ Hải Đ, sinh ngày 23/11/2016, khi vợ chồng ly thân đến nay, cháu Đ sống với anh H. Sau khi ly hôn, chị T đồng ý để anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét, việc giao con cho cha hay mẹ chăm sóc nuôi dưỡng cần xem xét đến điều kiện phát triển và nguyện vọng của con chung. Từ khi ly thân, cháu Đ sống với anh H phát triển bình thường về thể chất, tinh thần; để đảm bảo cuộc sống cho cháu nên tiếp tục giao cháu cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; anh H không yêu cầu cấp dưỡng, không đề cập.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu, Tòa án không đề cập giải quyết;

*Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:*

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị Mỹ T đối với anh Tạ Văn H.

- Anh Tạ Văn H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Tạ Hải Đ, sinh ngày 23/11/2016; chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:*

#### *[1] Về tố tụng:*

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H, vợ chồng có 01 con chưa thành niên, được xác định là tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con chung*” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn Tạ Văn H có nơi cư trú tại địa bàn huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: chị T có đơn xin xử vắng mặt; Tuy được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh H vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành việc xét xử.

#### *[2] Về quan hệ hôn nhân:*

[2.1] *Về tính hợp pháp:* chị T, anh H quen biết, tiến đến hôn nhân trên cơ sở tình yêu tự nguyện, tự tìm hiểu, không ai lừa dối hay ép buộc, cả hai có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật thuộc trường hợp hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận, bảo vệ.

[2.2] *Về tình trạng hôn nhân:* Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, lối sống không hòa hợp, không tôn trọng nhau; mâu thuẫn càng trầm trọng, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm trong từng lời nói, trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và ly thân cho đến nay chị T trình bày chị đi làm xa, không còn liên lạc với anh H, vợ chồng không còn quan tâm, chia sẻ với nhau; điều đó, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng. Thời điểm chị T khởi kiện xin ly hôn nhưng anh H không có ý kiến phản hồi, không tạo điều kiện để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng, chị T xác định không còn tình cảm với anh H, kiên quyết ly hôn nên mục đích hôn nhân không đạt.

Với những căn cứ trên, có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân giữa chị T, anh H phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của chị T ly hôn với anh H theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* có 01 con chung Tạ Hải Đ, sinh ngày 23/11/2016, khi vợ chồng ly thân đến nay, cháu Đ sống với anh H. Sau khi ly hôn, chị T đồng ý để anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Đánh giá việc giao con cho vợ hay chồng chăm sóc, nuôi dưỡng cần xem xét đến nhiều yếu tố, điều kiện phát triển về mọi mặt. Từ khi vợ chồng ly thân, cháu Đ sống với anh H phát triển bình thường về thể chất, tinh thần; để đảm bảo cuộc sống cho cháu Đ nên tiếp tục giao con chung cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; anh H không yêu cầu cấp dưỡng, không đề cập.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung:* không yêu cầu, nên không đề cập;

[5] *Về án phí:* chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Anh H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

*Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Xử:

*1. Về hôn nhân:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Mỹ T.

Cho chị Bùi Thị Mỹ T được ly hôn với anh Tạ Văn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 35, do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang, cấp ngày 27 tháng 3 năm 2019 cho chị Bùi Thị Mỹ T với anh Tạ Văn H, không còn giá trị pháp lý.

2. *Về con chung*: Giao cháu Tạ Hải Đ, sinh ngày 23/11/2016 cho anh Tạ Văn H tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, có khả năng lao động; chị Bùi Thị Mỹ T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Tạ Văn H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Bùi Thị Mỹ T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: không đề cập giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Bùi Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0012700 ngày 20 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang; chị T đã nộp xong.

5. *Quyền kháng cáo*:

Chị Bùi Thị Mỹ T, anh Tạ Văn H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Huy Phong**

5. Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Kim Cúc có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Trần Thanh Tâm có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Biên bản kết thúc vào lúc.....giờ.....phút cùng ngày có đọc lại cho các thành viên cùng nghe và cùng ký tên vào biên bản.

**THÀNH VIÊN  
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Huy Phong**

